



ISSN
1859 - 0802

TẠP CHÍ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI
Số 149 (2/2025): 24 - 30

JOURNAL OF ANIMAL SCIENCE AND TECHNOLOGY
No. 149 (2/2025): 24 - 30

DOI: 10.70408/nias.i149-y2025-589

Khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ 3

Nguyễn Thị Mười, Trần Quốc Hùng, Phạm Thị Thanh Bình và Nguyễn Thị Hải

Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi - Viện Chăn nuôi

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục tiêu đánh giá khả năng sản xuất của dòng mái 5 (gà LLV- TH₅) sau 4 thế hệ chọn lọc tại Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi từ năm 2023-2024. Thí nghiệm được theo dõi trên 2440 con lúc 01 ngày tuổi (1220 con gà trống và 1220 con gà mái) được đeo số cá thể; lúc vào đẻ là 600 mái sinh sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy gà LLV có đặc điểm ngoại hình đẹp như gà Lạc Thủy, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng hiện nay; Gà LLV có tỷ lệ nuôi sống tương đối cao ở giai đoạn gà con đạt 97,87% (gà trống) và 96,97% (gà mái); giai đoạn gà dò, hậu bị đạt 97,70% (gà trống) và 96,34% (gà mái); khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi của con trống đạt 907,95 g, con mái đạt 719,89 g; Kết thúc 20 tuần tuổi khối lượng cơ thể của gà LLV đạt 2110,71 g (gà trống) và 1612,27 g (gà mái) cao hơn gà Lạc Thủy. Năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi đạt 144,39 quả cao hơn thế hệ xuất phát 4,23 quả, cao hơn gà Lạc Thủy dòng mái (LT₂) 8,66 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 3,09 kg. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95,15%, tỷ lệ gà nở loại 1/trứng ấp đạt 76,07%. Tóm lại, kết quả theo dõi khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ 3 đạt so với kế hoạch đã đặt ra.

Từ khóa: Gà LLV, khối lượng cơ thể, năng suất trứng.

Đặt vấn đề

Gà LLV được tạo ra từ nguồn gen gà Lạc Thủy và gà Lương Phượng, hai giống gà này đều có những điểm mạnh riêng biệt. Gà Lương Phượng (LV) có khối lượng lớn, năng suất trứng cao, khả năng ghép phối với các giống gà bản địa rất tốt nhưng thịt mềm chưa săn chắc; gà Lạc Thủy có chất lượng thịt rất ngon (thịt có mùi thơm, vị ngọt), săn chắc đặc trưng của giống gà bản địa, màu sắc lông đẹp, hợp với thị hiếu người Việt Nam. Tuy nhiên gà Lạc Thủy có năng suất thấp về cả khối lượng cơ thể và năng suất trứng. Cụ thể, theo Vũ Ngọc Sơn và cs. (2015) Khối lượng cơ thể gà trống tại 20 tuần tuổi là 1852,00 - 1890,00 g/con và gà mái là 1580,00 - 1600,00 g/con. Năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi đạt 87,96 - 89,48 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng đạt 4,0 kg.

Nhằm phát huy các ưu điểm, khắc phục nhược điểm của hai giống gà nhóm nghiên cứu đã tiến hành chọn tạo dòng gà LLV từ năm 2020 đến năm 2024. Kết quả cho thấy năng suất trứng của gà LLV tăng dần qua ba thế hệ. Cụ thể, năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi ở thế hệ xuất phát, thế hệ 1 và 2 đạt được lần lượt là 140,16 quả; 141,06 quả và 142,88 quả. Năm 2023 Trung tâm tiếp tục xuống chuồng đàn gà LLV thế hệ 3 nhằm mục tiêu xác định đặc điểm ngoại hình và đánh giá khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ 3.

Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu

Dòng gà mái LLV thế hệ 3.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mười; Tel: 0982873468.

*Email: muoi1973@gmail.com

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi - Viện Chăn nuôi.

Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2023-2024.

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm ngoại hình của gà LLV thế hệ 3.

Đánh giá khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ 3.

Phương pháp nghiên cứu

Đặc điểm ngoại hình:

Sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp các đặc điểm về màu lông, kiểu mào, màu da và chân tại thời điểm lúc 01 ngày tuổi và 20 tuần tuổi.

Khả năng sinh trưởng:

Hàng tuần cân mẫu 50 con vào một ngày nhất định lúc đầu giờ sáng trước khi cho gà ăn. Tại

thời điểm 8 tuần và 20 tuần tuổi tiến hành cân cá thể toàn đàn. Tại hai thời điểm này sẽ chọn những cá thể có khối lượng trung bình của giống và dựa vào đặc điểm về màu lông để chuyển sang giai đoạn gà dò, hậu bị và sinh sản. Tỷ lệ chọn lọc tại 8 tuần tuổi con trống khoảng 14,57% và con mái khoảng 66,95%. Tỷ lệ chọn lọc tại 20 tuần tuổi con trống khoảng 67,65%, con mái khoảng 78,64%.

Khả năng sinh sản:

Cuối ngày đếm chính xác số trứng đẻ ra để theo dõi tỷ lệ đẻ và năng suất trứng giai đoạn sinh sản. Trong giai đoạn sinh sản định kỳ loại những gà mái đẻ kém hoặc gà mái xấu, lỗ huyết nhỏ.

Chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc:

Gà LLV được chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy trình chăn nuôi Lạc Thủy của Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi - Viện Chăn nuôi được trình bày tại Bảng 1 và 2.

Bảng 1. Chế độ dinh dưỡng

Giai đoạn (tuần tuổi)	Mật độ con/m ²	Tỷ lệ trống, mái	Chế độ cho ăn	Chế độ chiếu sáng
Gà con (0-4)	25 - 20	Tách riêng	Cho ăn tự do cả ngày và đêm	24 giờ, sau giảm dần đến ánh sáng tự nhiên
Gà con (5-8)	18 -12	Tách riêng		
Gà dò, hậu bị (9-20tt)	10 - 6	Tách riêng	Theo định lượng	Ánh sáng tự nhiên
Gà sinh sản (>20tt)	5-4	1/10	Theo tỷ lệ đẻ	Tăng dần ánh sáng đến đạt 15-16 giờ/ngày

Bảng 2. Giá trị dinh dưỡng trong thức ăn của gà LLV

Chỉ tiêu	Giai đoạn gà con		Giai đoạn gà dò, hậu bị	Giai đoạn gà đẻ
	0-4tt	5-8tt	9-20tt	>20tt
ME (Kcal/kg)	2800	2750	2700	2750
Protein thô %	21	18,0	15,00	17,00
Canxi %	1,0	1,0	1,3	3,0
Phospho %	0,6	0,5	0,5	0,5
Lyzin %	1,12	1,10	0,9	0,99
Methionin %	0,49	0,48	0,4	0,43

Các chỉ tiêu theo dõi

Đặc điểm ngoại hình: Quan sát tại các thời điểm 1 ngày tuổi và 20 tuần tuổi về màu sắc lông, mào tích, chân, mỏ...

Tỷ lệ nuôi sống, khối lượng cơ thể và lượng thức ăn thu nhận qua các tuần tuổi.

Khả năng sinh sản: Tuổi thành thực sinh dục; tỷ lệ đẻ qua các tuần tuổi; năng suất trứng; tiêu tốn thức ăn/10 trứng; các chỉ tiêu ấp nở.

Xử lý số liệu

Các số liệu thu thập được xử lý theo phương pháp thống kê sinh vật học bằng phần mềm Excel 2010.

Kết quả và thảo luận

Đặc điểm ngoại hình

Bảng 3. Đặc điểm ngoại hình của gà LLV

Chỉ tiêu	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Lúc 01 ngày tuổi (n=2.440 con)		
Toàn thân màu vàng nâu nhạt, lưng có sọc dưa màu nâu sẫm	718	29,43
Toàn thân lông màu vàng rơm	1722	70,57
Chân hồng, mắt đen, mỏ hồng	2440	100
Lúc 20 tuần tuổi (n=170 trống, 763 mái)		
Gà trống có màu đỏ tía hoặc tía vàng, cổ có cườm màu vàng hoặc nâu, đuôi màu đen ánh xanh giống gà trống Lạc Thủy	170	100
Gà mái có màu vàng hoa mơ thiên về gà Lương Phượng nhưng ít đốm đen hơn	106	13,89
Gà mái có lông màu lá chuối khô thiên về gà Lạc Thủy	657	86,11

Gà LLV thế hệ 3 có 2 loại màu lông chính. Lúc 01 ngày tuổi gà có màu lông vàng rơm chiếm tỷ lệ 70,57%, một loại màu vàng nâu nhạt có 3 sọc dưa màu nâu sẫm trên lưng chiếm tỷ lệ 29,43%. Tại thời điểm 20 tuần tuổi gà LLV có ngoại hình đẹp, con trống có vóc dáng oai vệ, khỏe khoắn của gà lông màu hướng thịt, lông màu tía mã mận giống như gà Lạc Thủy, cổ có cườm màu vàng hoặc nâu, đuôi màu đen ánh xanh. Con mái có hình dáng bầu bĩnh, có 2 loại màu lông chính đó là màu nâu nhạt toàn thân như màu lá chuối khô trong đó một số con có điểm vệt nâu

sẫm hơn (86,11%) và một loại màu vàng hoa mơ thiên về gà Lương Phượng nhưng ít đốm đen hơn; chóp đuôi màu đen (13,89%). Cả gà trống và gà mái đều có mào cò màu đỏ, tích màu đỏ; da và chân màu vàng.

Tỷ lệ nuôi sống, tiêu tốn thức ăn

Gà LLV thế hệ 3 được chọn lọc qua 3 thế hệ, hơn nữa được tạo ra từ 2 nguồn gen có những tính ưu việt về khả năng kháng bệnh do vậy mà tỷ lệ nuôi sống ở các giai đoạn đều đạt cao được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Tỷ lệ nuôi sống, tiêu tốn thức ăn của gà LLV thế hệ 3

Giai đoạn	Chỉ tiêu	Gà trống	Gà mái
01NT-8 TT	ĐK (con)	1220	1220
	CK (con)	1194	1183
	TLNS (%)	97,87	96,97
	TTTĂ (kg)	2,20	2,10
9-20TT	ĐK (con)	174	792
	CK (con)	170	763
	TLNS (%)	97,70	96,34
	TTTĂ (kg)	6,85	6,35
1-20TT	TA/con (kg)	9,05	8,45

Ghi chú: NT: Ngày tuổi; TT: Tuần tuổi; ĐK: Đầu kỳ; CK: Cuối kỳ; TLNS: Tỷ lệ nuôi sống; TTTĂ: Tiêu tốn thức ăn; TA: Thức ăn

Qua Bảng 4 cho thấy tỷ lệ nuôi sống của gà LLV đều cao ở các giai đoạn đạt từ 96,34% đến 97,87%, trong đó tỷ lệ nuôi sống của gà trống đạt 97,70%-97,87% cao hơn gà mái đạt 96,34%-96,97% có thể do gà trống được chọn với áp lực cao hơn, chặt chẽ hơn. Kết quả này cũng đều cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Đỗ Kim Dung (2014) trên gà Lạc Thủy giai đoạn gà con 0 - 8 tuần tuổi đạt 92,86%, giai đoạn 9 - 20 tuần tuổi chỉ đạt 80,00% đối với gà trống và 90,93% đối với gà mái.

Theo Vũ Ngọc Sơn và cs. (2018) tỷ lệ nuôi sống từ 0 - 8 tuần tuổi của gà LV1, gà VCN-Z15, gà lai ZL (VCN-Z15 x Lương Phượng), gà lai LZ (Lương Phượng x VCN-Z15) lần lượt là 95,67%; 96,67%; 97,33%; 97,33% thì kết quả về tỷ lệ nuôi sống trên gà LLV tương đương so với gà VCN-Z15, ZL và LZ nhưng cao hơn gà LV1.

Tiêu tốn thức ăn/con của gà LLV giai đoạn 0-8TT đạt 2,20 kg (gà trống) và 2,10 kg (gà

mái); giai đoạn 9-20 TT đạt 6,85 kg (gà trống) và 6,35 kg (gà mái).

Nguyễn Thị Mười và cs. (2020) cho biết TTTA/con của gà Lạc Thủy LT1 giai đoạn 0-8TT là 1,70-1,82 kg; giai đoạn 9-20TT đạt 6,17- 6,58 kg (gà trống) và 5,86-6,29 kg (gà mái) thì gà LLV tiêu tốn thức ăn nhiều hơn.

Theo Nguyễn Quý Khiêm (2021) cho biết gà dòng trống LV1 qua 4 thế hệ chọn lọc TTTA/con/giai đoạn 0-8 TT là 3,55-3,67 kg (gà trống) và 3,10-3,30 (gà mái) thì kết quả trên gà LLV tiêu tốn thức ăn thấp hơn.

Khối lượng cơ thể

Gà LLV được định hướng chọn lọc nâng cao năng suất trứng, còn tính trạng khối lượng cơ thể thì giữ ở mức bình ổn. Kết quả nghiên cứu khối lượng cơ thể gà LLV giai đoạn 0-20 tuần tuổi được thể hiện qua Bảng 5.

Bảng 5. Khối lượng cơ thể của gà LLV thế hệ 3 qua các tuần tuổi

DVT: g

Tuần tuổi	Trống		Mái	
	n	Mean \pm SD	n	Mean \pm SD
01 NT	50	34,97 \pm 1,75	50	33,76 \pm 2,49
2	50	168,68 \pm 21,81	50	159,92 \pm 16,68
4	50	375,08 \pm 38,37	50	324,44 \pm 29,65
6	50	651,10 \pm 60,89	50	529,20 \pm 57,99
8	1194	907,95 \pm 108,75	1183	719,89 \pm 95,70
10	50	1377,20 \pm 156,39	50	968,60 \pm 72,65
14	50	1744,60 \pm 138,99	50	1267,80 \pm 114,18
18	50	1945,40 \pm 177,95	50	1515,20 \pm 113,29
20	170	2110,71 \pm 197,84	763	1612,27 \pm 167,70

Tại thời điểm kết thúc 8 tuần tuổi khối lượng cơ thể của gà LLV ở thế hệ 3 đạt, 907,95 g (gà trống) và 719,89 g (gà mái).

Theo Đỗ Thị Kim Dung (2014) khi nghiên cứu gà Lạc Thủy cho biết tại thời điểm kết thúc 8 tuần tuổi con trống có khối lượng cơ thể đạt 647,92 g/con, con mái đạt 535,82 g/con. Theo Nguyễn Thị Mười (2020), khối lượng cơ thể của gà Lạc Thủy dòng trống LT1 lúc 8 tuần tuổi

sau 3 thế hệ chọn lọc đạt 855,03 g (gà trống) và 704,06 g (gà mái) thì khối lượng gà LLV đạt cao hơn.

Khả năng sinh sản

Tuổi thành thực

Gà LLV có tuổi vào đẻ lúc 143 ngày thuộc nhóm có tuổi thành thực sinh dục tương đối sớm, được trình bày ở Bảng 6.

Theo Vũ Ngọc Sơn (2018) gà LV1 có tuổi đẻ là 154 ngày. Dương Thanh Tùng (2019) gà LV có tuổi đẻ lúc 148,67 ngày. Như vậy gà LLV có tuổi đẻ sớm hơn gà LV1.

Theo Nguyễn Thị Mười (2021) gà LT1 thế hệ 3 có tuổi đẻ ở 139 ngày thì kết quả nghiên cứu

trên gà LLV của chúng tôi có tuổi đẻ đạt muộn hơn.

Đỗ Thị Kim Dung (2014) gà Lạc Thủy có tuổi đẻ 5% lúc 142-144 ngày thì kết quả nghiên cứu trên gà LLV của chúng tôi có tuổi đẻ đạt tương đương.

Bảng 6. Tuổi thành thực của gà LLV

Chỉ tiêu	n	Mean ± SD	CV (%)
Tuổi vào đẻ (ngày)		143	
<i>Khối lượng cơ thể gà mái (gam)</i>			
Tuổi đẻ	50	1620,80±155,50	9,59
38 tuần tuổi	50	2227,00±188,65	8,47
<i>Khối lượng trứng (gam)</i>			
Tuổi đẻ	30	37,24±2,65	7,12
38 tuần tuổi	100	48,57±3,79	7,81

Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng, tiêu tốn thức ăn/10 trứng

Gà LLV có tỷ lệ đẻ tăng dần và đạt tỷ lệ đẻ cao nhất ở 33-35TT là 53,67% sau đó giảm

dần. Tính đến 38 tuần tuổi gà LLV có năng suất trứng đạt 57,45 quả và TTTA/10 trứng đạt 2,70kg. Kết quả được trình bày ở Bảng 7.

Bảng 7. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng, tiêu tốn thức ăn/10 trứng của gà LLV (Mái vào đẻ: 600 con)

TT	TLĐ (%)	TCD (quả)	TTTẢ/10 trứng (kg)
21-23	22,00	4,62	7,65
24-26	44,68	14,00	2,77
27-29	48,24	24,13	2,57
30-32	52,14	35,08	2,35
33-35	53,67	46,35	2,29
36-38	52,85	57,45	2,33
39-41	48,36	67,61	3,23
42-44	48,76	77,85	3,21
45-47	48,59	88,05	3,23
48-50	44,34	97,36	3,51
51-53	42,66	106,32	3,61
54-56	41,46	115,03	3,72
57-59	37,32	122,87	4,12
60-62	37,39	130,72	4,12
63-65	34,91	138,05	4,44
66-68	30,22	144,39	5,14
TB 21 - 38TT		57,45	2,70
TB 21- 68TT		144,39	3,09

Ghi chú: TT: Tuần tuổi; TB: Trung bình; TLĐ: Tỷ lệ đẻ; TCD: Trứng cộng dồn; TTTA: Tiêu tốn thức ăn

Bảng 7 cho thấy năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi của gà LLV thế hệ 3 đạt 144,39 quả. Như vậy, so với thế hệ xuất phát đạt 140,16 quả thì đã tăng được 4,23 quả có ý nghĩa trong công tác chọn lọc.

Vũ Ngọc Sơn và cs. (2018) cho biết năng suất trứng/mái/38 tuần tuổi đạt của gà LV1 đạt 58,28 quả thì năng suất trứng của gà LLV trong nghiên cứu này đạt gần tương đương chỉ thấp hơn 0,83 quả.

Theo Nguyễn Thị Mười (2020) gà Lạc Thủy dòng mái LT₂ có năng suất trứng đến 68 tuần tuổi đạt 135,73 quả thì năng suất trứng của gà LLV đạt cao hơn.

Tỷ lệ phôi và kết quả ấp nở

Bảng 8. Một số chỉ tiêu về ấp nở của gà LLV

Chỉ tiêu	ĐVT	TH3
Tổng trứng ấp	quả	14.729
Tỷ lệ trứng có phôi	%	95,15
Tỷ lệ nở/trứng ấp	%	79,95
Tỷ lệ nở loại 1/trứng ấp	%	76,07

Ghi chú: ĐVT: Đơn vị tính; TH: Thế hệ

Theo dõi số trứng đưa vào ấp từ 32-38 tuần tuổi cho thấy tỷ lệ trứng có phôi của gà LLV đạt 95,15%; tỷ lệ nở/trứng ấp đạt 79,95%, tỷ lệ nở loại 1/trứng ấp đạt 76,07%. Theo Vũ Ngọc Sơn và cs. (2015) theo dõi kết quả ấp nở của gà Lạc Thủy cho biết gà Lạc Thủy có tỷ lệ phôi là 93,40%, tỷ lệ nở loại 1/trứng ấp là 77,10% thì gà LLV có tỷ lệ phôi đạt cao hơn nhưng tỷ lệ nở loại 1/trứng ấp thấp hơn.

Nguyễn Quý Khiêm và cs. (2021) theo dõi kết quả ấp nở của gà LV1 và LV₂ cho biết: Tỷ lệ trứng có phôi của gà LV1 đạt 96,00 - 96,80% và gà LV₂ đạt 97,38 - 97,50% thì kết quả nghiên cứu trên gà LLV trong nghiên cứu này đạt thấp hơn.

Kết luận

Gà LLV thế hệ 3 được chọn lọc sau 3 thế hệ đã tương đối ổn định về đặc điểm màu lông, khối lượng cơ thể, cải thiện được năng suất trứng.

Khi trưởng thành, gà LLV có ngoại hình đẹp, con trống có vóc dáng oai vệ, khỏe khoắn của gà lông màu hướng thịt, gà trống có bộ lông màu tía mã mận giống như gà Lạc Thủy, cổ có cườm màu vàng hoặc nâu, đuôi màu đen ánh xanh, gà mái có hình dáng bầu bĩnh, có 2 loại màu lông chính đó là màu nâu nhạt toàn thân như màu lá chuối khô trong đó một số con có điểm vệt nâu sẫm hơn (86,11%) và một loại màu nâu đất có các vệt đốm đen trên lưng và cánh; chóp đuôi màu đen (13,89%). Cả gà trống và gà mái đều có mào cò màu đỏ, tích màu đỏ; da và chân màu vàng.

Kết thúc 8 tuần tuổi khối lượng cơ thể gà LLV đạt 907,95 g (gà trống) và 719,89 g (gà mái). Kết thúc 20 tuần tuổi khối lượng cơ thể của gà LLV đạt 2110,71 g (gà trống) và 1612,27 g (gà mái). Năng suất trứng/mái/ 68 tuần tuổi đạt 144,39 quả. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95,15%, tỷ lệ gà nở loại 1/trứng ấp đạt 76,07%.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Kim Dung. 2014. Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy-Hòa Bình. Luận văn Thạc sĩ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
- Nguyễn Quý Khiêm, Phạm Thùy Linh, Đào Thị Bích Loan, Trần Ngọc Tiến, Lê Xuân Sơn, Nguyễn Thị Tinh, Phạm Thị Huệ, Phạm Thị Lua, Phạm Thị Kim Thanh, Nguyễn Thị Minh Hương và Nguyễn Thị Yên. 2021. Nghiên cứu chọn lọc tạo 2 dòng gà LV qua 4 thế hệ. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - số 122. Tháng 4/2021.
- Nguyễn Thị Mười, Phạm Công Thiệu, Nguyễn Huy Đạt, Phạm Thị Thanh Bình, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Văn Tám, Ngô Thị Tố Uyên, Trần Thị Thu Hằng và Đào Đoàn Trang. 2020. Chọn lọc nâng cao năng suất hai dòng LT1 và LT₂ của giống gà Lạc Thủy qua 3 thế hệ. Tạp chí KHKT Chăn nuôi số 260 tháng 10 năm 2020.
- Nguyễn Thị Mười. 2021. Chọn lọc, nâng cao năng suất hai dòng gà Lạc Thủy và khả năng cho thịt của con lai giữa gà Lạc Thủy với gà Lương Phượng. Luận án Tiến sĩ, Viện Chăn nuôi.
- Dương Thanh Tùng. 2019. Một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà mái lai hai giống VCN-Z15 x LV. 2019. Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi số 103, tháng 9/2019.

Vũ Ngọc Sơn, Dương Thanh Tùng, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Khắc Khánh, Trần Quốc Hùng, Phạm Thị Tâm và Đỗ Thị Hằng. 2018. Đánh giá ưu thế lai của tổ hợp lai 2 giống giữa gà VCN-Z15 với gà Lương Phượng. Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi số 85, tháng 3/2018.

Vũ Ngọc Sơn, Trần Quốc Hùng, Đỗ Thị Kim Dung, Cao Thị Liên và Nguyễn Văn Tám. 2015. Kết quả nuôi bảo tồn gà Lạc Thủy tại Viện Chăn nuôi. Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi số 53 tháng 4/2015. Tr. 25.

ABSTRACT

Production performance of third-generation LLV chickens

The study conducted at the Animal Experiments and Domestic Animal Conservation Center over four generations of selection from 2023 to 2024 aimed to evaluate the production capacity of LLV-TH₃ chickens (line 5). The experiment monitored 2,440 chickens at one day old (1,220 roosters and 1,220 hens), all individually numbered; by the laying stage, 600 hens were used for breeding. The research results show that LLV chickens have an attractive appearance, similar to the Lac Thủy breed, which matches current consumer preferences. LLV chickens exhibited a relatively high survival rate in the chick stage, with 97.87% for roosters and 96.97% for hens; in the pullet and replacement stages, the survival rates were 97.70% for roosters and 96.34% for hens. At 8 weeks old, the body weight of roosters reached 907.95 g, while hens reached 719.89 g. At 20 weeks, the body weight of LLV chickens reached 2,110.71 g (roosters) and 1,612.27g (hens), higher than that of the Lac Thủy breed. Egg production per hen at 68 weeks old reached 144.39 eggs, 4.23 eggs more than the initial generation and 8.66 eggs more than the Lac Thủy hen line (LT₂), with a feed consumption rate of 3.09 kg per 10 eggs. The fertility rate of eggs was 95.15%, and the hatchability rate of first-grade chicks per incubated egg was 76.07%. In conclusion, the production performance of the third-generation LLV chickens met the set goals.

Keywords: *LLV chickens, body weight, egg production*

Ngày nhận bài: 12/12/2024

Ngày phản biện đánh giá: 30/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 24/02/2025

Người phản biện: PGS.TS Ngô Thị Kim Cúc